

Chi tiết mã HS 2710.91.00

Mã HS	2710.91.00
Mô tả hàng hóa	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải. (SEN) / - Dầu thải: / - - Chứa polychlorinated biphenyls (PCBs), polychlorinated terphenyls (PCTs) hoặc polybrominated biphenyls (PBBs)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	01/11/2026 14:33:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27109100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3336
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3336
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3336
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	109/2025/UBTVQH15	2021-08-06	BT2026!CV3336
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3336
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
ACFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AC!E3331
ATIGA	2022	2022	5	AT!E3292
ATIGA	2023	2023	5	AT!F3292
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3292
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3292
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3292
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3292
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E3330
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F3330
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G3330
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H3330

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I3330
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J3330
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E3334
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F3334
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G3334
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H3334
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I3334
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J3334
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F3334
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H3298
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F3294
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G3294
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H3294
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I3294
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J3294
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K3294
VKFTA	2022	2022	5	VK!E3294
VKFTA	2023	2023	5	VK!F3294
VKFTA	2024	2024	5	VK!G3294
VKFTA	2025	2025	5	VK!H3294
VKFTA	2026	2026	5	VK!I3294
VKFTA	2027	2027	5	VK!J3294
VCFTA	2022	2022	*	VC!D3341
VCFTA	2023	2023	*	VC!E3341
VCFTA	2024	2024	*	VC!F3341
VCFTA	2025	2025	*	VC!G3341

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H3341
VCFTA	2027	2027	*	VC!I3341
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D3338
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E3338
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F3338
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G3338
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H3338
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I3338
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D3346
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E3346
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F3346
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G3346
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H3346
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I3346
EVFTA	2022	2022	20	EV-NK!D3317
EVFTA	2023	2023	20	EV-NK!E3317
EVFTA	2024	2024	11	EV-NK!F3317
EVFTA	2025	2025	9	EV-NK!G3317
EVFTA	2026	2026	7	EV-NK!H3317
EVFTA	2027	2027	7	EV-NK!I3317
UKVFTA	2022	2022	20	UKV!D3319
UKVFTA	2023	2023	20	UKV!E3319
UKVFTA	2024	2024	11	UKV!F3319
UKVFTA	2025	2025	9	UKV!G3319
UKVFTA	2026	2026	7	UKV!H3319
UKVFTA	2027	2027	7	UKV!I3319

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	20	CPTPP!D3317
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	7	CPTPP!E3317
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	7	CPTPP!F3317
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	7	CPTPP!G3317
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	7	CPTPP!H3317
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	7	CPTPP!I3317
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	7	CPTPP!J3317
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D3338
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E3338
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F3338
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G3338
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H3338
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I3338
RCEP B	2022	2022	*	B!D3338
RCEP B	2023	2023	*	B!E3338
RCEP B	2024	2024	*	B!F3338
RCEP B	2025	2025	*	B!G3338
RCEP B	2026	2026	*	B!H3338
RCEP B	2027	2027	*	B!I3338
RCEP C	2022	2022	*	C!D3338
RCEP C	2023	2023	*	C!E3338
RCEP C	2024	2024	*	C!F3338
RCEP C	2025	2025	*	C!G3338
RCEP C	2026	2026	*	C!H3338
RCEP C	2027	2027	*	C!I3338
RCEP D	2022	2022	*	D!D3338

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	*	D!E3338
RCEP D	2024	2024	*	D!F3338
RCEP D	2025	2025	*	D!G3338
RCEP D	2026	2026	*	D!H3338
RCEP D	2027	2027	*	D!I3338
RCEP E	2022	2022	*	E!D3341
RCEP E	2023	2023	*	E!E3341
RCEP E	2024	2024	*	E!F3341
RCEP E	2025	2025	*	E!G3341
RCEP E	2026	2026	*	E!H3341
RCEP E	2027	2027	*	E!I3341
RCEP F	2022	2022	*	F!D3338
RCEP F	2023	2023	*	F!E3338
RCEP F	2024	2024	*	F!F3338
RCEP F	2025	2025	*	F!G3338
RCEP F	2026	2026	*	F!H3338
RCEP F	2027	2027	*	F!I3338
VIFTA	2024	2024	*	VI!F3079
VIFTA	2025	2025	*	VI!G3079
VIFTA	2026	2026	*	VI!H3079
VIFTA	2027	2027	*	VI!I3079

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VN-LAO 20%, ACFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2710.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 2710.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3336), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.